

Không một quốc gia nào phủ nhận nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế, nhưng điều này không đồng nghĩa là đã có sự đồng thuận về nội dung của nguyên tắc. Bài viết sẽ đề cập chủ yếu đến những điểm còn tranh cãi. Ngoài ra, bài viết cũng xem xét đến các cam kết giữa Việt Nam và Trung Quốc trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp trên Biển Đông.



## **Tóm tắt**

*Nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế là một trong các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Các quốc gia có nghĩa vụ phải giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình thông qua các biện pháp phi vũ lực. Nguyên tắc này đã hình thành từ lâu, được biết từ năm 1945 khi Hội đồng Liên hợp quốc ra đời. Không một quốc gia nào phủ nhận nguyên tắc này, nhưng điều này không đồng nghĩa là đã có sự đồng thuận về nội dung của nguyên tắc. Các nội dung cơ bản của nguyên tắc được nêu trong Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc*

từ điều chỉnh quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia của Hội đồng Liên hợp quốc năm 1970, trong đó một số nội dung đã nhận được sự đồng thuận cao và được công nhận là tập quán quốc tế. Tuy nhiên, một số nội dung khác còn đang tranh cãi. Bài viết này sẽ đề cập chủ yếu đến những điểm còn tranh cãi đó. Ngoài ra, bài viết cũng xem xét đến các cam kết giữa Việt Nam và Trung Quốc trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp trên Biển Đông.

**Tóm lược:** Tranh chấp quốc tế, Biển Đông, luật pháp quốc tế, biên pháp hòa bình

## **Nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế**

### **Nguyên gốc của nguyên tắc**

Thời khi Hội đồng Liên hợp quốc ra đời và có hiệu lực, với tính phổ quát của tập chế này, hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế đã trở thành một nguyên tắc pháp luật quốc tế ràng buộc tuy nhiên đa số các quốc gia trên thế giới. Nguyên tắc này được ghi nhận trong Điều 2(3) và Điều 33, cũng như trong Điều 1(1) với mục đích, tôn trọng hoạt động của Liên hợp quốc. Ngoài ra, các điều ước quốc tế thành lập các tổ chức khu vực quan trọng cũng ghi nhận lại nguyên tắc này như Hội đồng Đông Nam Á, Hội đồng các quốc gia châu Mỹ, Hội đồng thành lập Liên minh Châu Phi và các vãn bản thành lập của Liên minh Châu Âu. [\[1\]](#)

Với việc mở rộng nhanh chóng về thành viên của Liên hợp quốc và thực tiễn của các quốc gia, nguyên tắc này đã trở thành một nguyên tắc quan trọng của luật pháp quốc tế. Do đó, nguyên tắc có hiệu lực ràng buộc đối với mọi quốc gia trên thế giới, bất kể có là thành viên của Liên hợp quốc hay không. Trong vụ *Nicaragua vs. Mỹ*, Tòa án Công lý Quốc tế lần đầu tiên đã xác nhận hiệu lực tập quán của nguyên tắc này. [\[2\]](#) Một số học giả còn đi xa hơn nữa khi cho rằng nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế đã trở thành một quy phạm pháp luật chung (*jus cogens*).

[\[3\]](#)

## **Nội dung của nguyên tắc**

Cùng với sáu nguyên tắc cơ bản khác, nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp được ghi thích chi tiết trong Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia năm 1970 (Tuyên bố năm 1970) của Hội đồng Liên hợp quốc.

[\[4\]](#)

Tuyên bố này được tòa án quốc tế và các học giả có uy tín xem là văn bản có giá trị ghi thích Hiến chương Liên hợp quốc.

[\[5\]](#)

Tiếp theo đó, Hội đồng đã thông qua một số nghị quyết khác về nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp quốc tế, bao gồm Tuyên bố Manila về Hòa bình giữa quy tắc tranh chấp quốc tế năm 1982 (Tuyên bố Manila) và Nghị quyết về Ngăn ngừa và hòa bình giữa quy tắc tranh chấp quốc tế năm 2003.

[\[6\]](#)

Tuyên bố năm 1970 quy định các nghĩa vụ của các quốc gia trong nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp quốc tế, chi tiết như sau:

1. Nghĩa vụ giữa quy tắc các tranh chấp quốc tế bằng các biện pháp hòa bình theo cách thức không gây nguy hiểm cho hòa bình, an ninh và công lý quốc tế;
2. Nghĩa vụ tìm kiếm giữa pháp cho các tranh chấp một cách nhanh chóng và công bằng thông qua đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, biện pháp pháp, sử dụng các thủ tục hay dàn xếp quốc tế hoặc các biện pháp hòa bình khác theo sự lựa chọn của các bên, phù hợp với hoàn cảnh và bản chất của tranh chấp;
3. Nghĩa vụ tiếp tục tìm kiếm giữa pháp giữa quy tắc tranh chấp bằng những biện pháp hòa bình mà các bên chấp nhận trong trường hợp chấp thuận giữa quy tắc tranh chấp bằng bất kỳ biện pháp hòa bình nêu trên;
4. Nghĩa vụ hạn chế có hành động có thể làm xói mòn đi tình hình, gây nguy hiểm cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và phải hành động theo cách thức phù hợp với mục đích và nguyên tắc của Liên hợp quốc.

Trong bản nghĩa và c<sup>o</sup> th<sup>o</sup> trên, nghĩa và không gây nguy hiểm cho hòa bình, an ninh quốc tế và nghĩa và tiếp tục tìm kiếm giữa pháp hòa bình là những nghĩa và không gây tranh cãi. Hai nghĩa và còn lại vẫn còn nghi<sup>o</sup> quan đi<sup>o</sup>m khác nhau và sẽ được phân tích kỹ d<sup>o</sup>i đây.

### **Các biện pháp hòa bình giữa quy tắc tranh chấp**

Các quốc gia có nghĩa và phải giữa quy tắc các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và trong mọi trường hợp không được sử dụng vũ lực. Các biện pháp c<sup>o</sup> th<sup>o</sup> để giữa quy tắc hòa bình các tranh chấp quốc tế được liệt kê ở Điều 33 của Hiến chương Liên hợp quốc, bao gồm đàm phán, trung gian, hòa giải, đi<sup>o</sup>u tra, sử dụng các dàn xếp khu vực, các biện pháp tòa án, trình tài và các biện pháp hòa bình khác. Các quốc gia có quyền tự do lựa chọn biện pháp mà họ thấy thích hợp. Luật pháp quốc tế cấm khi quy định về một biện pháp bắt buộc như<sup>o</sup> định và cho dù có quy định như<sup>o</sup> thì quyền tự do lựa chọn về c<sup>o</sup> bản vẫn được bảo<sup>o</sup> đảm. Ví dụ như Công ước Liên hợp quốc về Luật Biên n<sup>o</sup>m 1982 quy định th<sup>o</sup> tục bắt buộc mang tính chất ràng buộc (tòa án và trình tài), [7] những c<sup>o</sup>ng cho phép quyền c<sup>o</sup>a các quốc gia thành viên lựa chọn biện pháp khác, thậm chí quyền loại trừ áp dụng th<sup>o</sup> tục bắt buộc trong một số trường hợp. [8]

Trong các biện pháp trên, đàm phán là biện pháp phổ biến nhất trong giữa quy tắc hòa bình các tranh chấp. Giáo sư Merrills hoàn toàn đúng khi nhận định rằng biện pháp đàm phán được sử dụng thường xuyên hơn hơn tất c<sup>o</sup> các biện pháp giữa quy tắc tranh chấp c<sup>o</sup>ng lại. [9] Trong đàm phán, các bên có thể trao đi<sup>o</sup> quan đi<sup>o</sup>m, đánh giá thông tin c<sup>o</sup>a nhau và có thể đạt được một giữa pháp mà các bên tranh chấp có thể chấp nhận. Đàm phán đôi khi không chỉ nhằm giữa quy tắc tranh chấp mà còn để ngăn ngừa xung đột có thể xảy ra; và trong trường hợp đó, các quốc gia thường lựa chọn một hình thức đàm phán đặc thù hơn – tham vấn.

[10]

Thông qua tham vấn, các quốc gia có thể sử dụng chính hành vi hoặc chính sách c<sup>o</sup>a mình trước khi chúng được ban hành hay thực hiện trên thực tế để tránh tranh chấp không cần thiết với nhau.

[11]

Sở dĩ các biện pháp t<sup>o</sup> pháp, đàm phán và các biện pháp ngoại giao khác thường được ưu tiên áp dụng hơn do có thể giữa quy tắc tranh chấp trên c<sup>o</sup> sự hợp tác và

thứu hiệu giữa các bên. Tòa án Thường trực Công lý Quốc tế (PCIJ) cho rằng “việc giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp tự pháp chế định giữa là một biện pháp thay thế cho việc giải quyết trực tiếp và hậu quả giữa các bên; do đó Tòa cần phải tạo điều kiện thuận lợi nhất có thể cho việc giải quyết trực tiếp và hậu quả như thế.” [12] Trong vụ *Nicaragua v. M.* , khi tự chế định ra quy định về yêu cầu biện pháp thường của Nicaragua do thiêu sự tính toán mức độ biện pháp chế định và việc M. không tham gia quá trình xét xử, Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) không định Tòa nên tự chế định ra quy định không cần thiết có thể tạo ra trợ giúp cho đàm phán giữa các bên. [

[13]

Có thể thấy chính các tòa án quốc tế cũng cho rằng biện pháp đàm phán nên được ưu tiên sử dụng và các biện pháp tự pháp chế định là biện pháp cuối cùng và dù cho được áp dụng thì biện pháp tự pháp chế định không nên cần trợ cấp giữa giải quyết tranh chấp trực tiếp bằng đàm phán giữa các bên.

Hơn nữa, trong trường hợp tranh chấp đang được giải quyết bằng biện pháp tự pháp, các bên có thể đồng thời tiến hành đàm phán và nếu thành công, các bên có thể yêu cầu cơ quan tài phán ngừng xem xét tranh chấp. Tòa ICJ trong vụ *Aegean Sea* nhận định: “Đàm phán và biện pháp tự pháp được ghi nhận cùng nhau ở Điều 33 của Hiến chương Liên hợp quốc như các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp. Các phán quyết trước đây của Tòa đã cho thấy nhiều ví dụ các bên đồng thời tiến hành đàm phán và tranh tụng trước cơ quan tài phán, tiến trình đó cũng có thể chấm dứt nếu các cuộc đàm phán thành công.”

[14]

### **Nghĩa vụ phải giải quyết các tranh chấp quốc tế?**

Điều 2(3) của Hiến chương và tập quán quốc tế quy định: “ Tất cả các thành viên của Liên hợp quốc phải giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hòa bình.” Tùy theo cách thức giải thích mà các học giả có ý kiến khác nhau về việc có tồn tại một nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp hay không. Nói cách khác, liệu các quốc gia có quy định không giải quyết tranh chấp, để mức cho tranh chấp tồn tại giữa họ với nhau hay không.

Một số học giả cho rằng nghĩa vụ này chỉ bắt buộc các quốc gia phải sử dụng các biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp quốc tế. Các quốc gia không có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp quốc tế, nhưng nếu quy định định sự giải quyết tranh

chấp quốc tế thì sẽ phải tuân thủ nghĩa vụ sẽ dùng biện pháp hòa bình. [15]

Các học giả nổi tiếng và có uy tín trong lĩnh vực công pháp quốc tế cũng quan tâm đến điều này. Theo Ian Brownlie, “không có bất kỳ nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp trong luật pháp quốc tế chung”. [16] Malcolm N. Shaw cho rằng “các quốc gia không hề có nghĩa vụ phải giải quyết các bất đồng giữa họ và điều này đúng trong trường hợp xung đột pháp lý nghiêm trọng cũng như các bất đồng chính trị.”

[17]

James Crawford (hiện là thẩm phán Tòa án Công lý Quốc tế - ICJ) cũng quan tâm đến điều này khi nhận định về nội hàm của chủ quyền quốc gia.

[18]

Ông viết: “...các quốc gia có chủ quyền, theo nghĩa là nó có đầy đủ thẩm quyền để hành động không chỉ bên trong mà còn bên ngoài, để ký kết hoặc không ký kết các điều ước quốc tế và các cam kết khác, để quan hệ hoặc không quan hệ với các quốc gia khác theo nhiều cách, để đồng ý hoặc không đồng ý giải quyết các tranh chấp quốc tế.”

[19]

Một số học giả khác cũng có cùng ý kiến.

[20]

Ngoài ra, gần đây nhất Hội đồng đã thông qua Nghị quyết 57/26 về Nguyên tắc và Giải quyết hòa bình tranh chấp và trong Nghị quyết này cũng ghi nhận vị trí “khuyến khích các quốc gia giải quyết tranh chấp càng sớm càng tốt.”

[21]

Tuy nhiên, Giáo sư Christine Tomuschat cho rằng nếu giải thích trên đúng chấp nhận thì nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp sẽ không có bất kỳ ý nghĩa gì, và chủ nhà một số nhận mạnh lại nguyên tắc cấm can thiệp và nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực. [22] Ông cho rằng điều 2(3) quy định nghĩa vụ phải nỗ lực để tìm kiếm giải pháp. [23] Một số học giả còn đi xa hơn khi cho rằng luật pháp quốc tế áp đặt một nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp quốc tế và phải giải quyết bằng các biện pháp hòa bình.

[24]

Điều 2(3) ghi rõ rằng các quốc gia “

*phải giải quyết*

” các tranh chấp quốc tế.

[25]

Điều 33 của Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên bố năm 1970 và Tuyên bố Manila năm 1982 của Hội đồng cũng quy định các quốc gia phải tìm kiếm giải pháp nhanh chóng và công bằng trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Điều 2(3) đã vượt khỏi “cái bóng của điều 2(4)”, đòi hỏi các quốc gia phải có hành động chủ động để giải quyết tranh chấp hoặc ít nhất phải trao đổi quan điểm với nhau.

[26]

Nói cách khác, các bên có nghĩa vụ phải tìm kiếm một giải pháp một cách thiện chí phù hợp với Điều 2, khoản 2 của Hiến chương.  
[\[27\]](#)

Alain Pellet có quan điểm trung hoà hơn hai quan điểm trên. [\[28\]](#) Trong khi cho rằng nguyên tắc này không áp đặt một nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp, theo ông, Điều 33 và Tuyên bố năm 1970 quy định nghĩa vụ tìm kiếm giải pháp. Tuy nhiên, nghĩa vụ tìm kiếm không đồng nghĩa với nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp. Các quốc gia hoàn toàn có thể để mặc cho tranh chấp tồn tại mà không giải quyết, trừ trường hợp tranh chấp cấu thành mối đe dọa đến hoà bình và an ninh quốc tế.

Nếu xét từ lịch sử hình thành và cách hiểu thông thường thì cách giải thích không cho rằng các quốc gia có nghĩa vụ phải giải quyết tranh chấp có vẻ hợp lý và thuyết phục hơn. Nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp được ghi nhận và luôn đi cùng với nguyên tắc cấm đe dọa sử dụng vũ lực hay sử dụng vũ lực. Hai nguyên tắc này giống như hai mặt của đồng xu, và có thể nói nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp là hệ quả tất yếu và đi kèm với việc cấm sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Tất cả trong bối cảnh kích thích Chiến tranh thế giới thứ 2, không khó để có thể hình dung các quốc gia quan tâm đến vấn đề cấm sử dụng vũ lực và áp dụng biện pháp giải quyết hòa bình hơn là nghĩa vụ một nghĩa vụ bắt buộc phải giải quyết tranh chấp. Hơn nữa, trên thực tế, khi có một tranh chấp phát sinh, các quốc gia và cộng đồng quốc tế chỉ kêu gọi các bên cùng nhau giải quyết tranh chấp và không sử dụng vũ lực; các lời kêu gọi này không ám chỉ đến bắt buộc nghĩa vụ bắt buộc các quốc gia phải giải quyết tranh chấp. Do đó, yếu tố cần nhận mạnh trong nguyên tắc này là “các biện pháp hòa bình”, buộc các quốc gia chỉ sử dụng các biện pháp này để giải quyết tranh chấp.

### ***Nghĩa vụ không làm phức tạp tranh chấp***

Tuyên bố năm 1970 quy định “4. Nghĩa vụ hơn chỉ hành động có thể làm xấu đi tình hình hiện tại, gây nguy hiểm cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và phải hành động theo cách thức phù hợp với mục đích và nguyên tắc của Liên hợp quốc.” Trong một số các điều ước quốc tế cũng có quy định tương tự, như Hiệp ước chung về Hòa bình giữa quy tắc tranh chấp năm 1928, [\[29\]](#)

[1](#)  
Hiệp ước số 1 về Giải quyết tranh chấp hòa bình năm 1949,  
[\[30\]](#)

Công ước châu Âu về Hòa bình giữa quy tắc tranh chấp năm 1957.

[\[31\]](#)

Các điều ước quốc tế này quy định nghĩa vụ chung cho các quốc gia không có các hành vi làm phức tạp tranh chấp trong khi đang tìm kiếm giải pháp.

[\[32\]](#)

Trong các án lệ của cơ quan tài phán quốc tế, nghĩa vụ không làm phức tạp tranh chấp được viển vông trong trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tính đến thời điểm hiện nay, Tòa án Công lý Quốc tế đã đưa ra 38 quy định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong khi Tòa án Luật biển Quốc tế đưa ra 8 quy định. Tuy nhiên, trong hầu hết các quy định, biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng nhằm mục đích báo v quy định của bên yêu cầu áp dụng trong quá trình tố tụng theo đúng quy định ở Điều 41 Quy chế Tòa ICJ. Chỉ một số ít các quy định của tòa được đưa ra nhằm mục đích ngăn ngừa việc làm phức tạp hoặc mở rộng tranh chấp đang được tòa thẩm lý xem xét.

Trong các quy định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa ICJ đã yêu cầu mỗi bên tranh chấp “nên báo động không có bất kỳ hành vi nào có thể làm phức tạp hoặc mở rộng tranh chấp.” [\[33\]](#) Trong các quy định sau này, Tòa ghi nhận thêm yêu cầu “không làm cho tranh chấp trở nên khó giải quyết hơn.”

[\[34\]](#)

Một điểm đáng chú ý là trong giai đoạn trước đây, Tòa ICJ ưu tiên dùng từ “nên” (should) thay vì sử dụng các từ có tính chất ràng buộc như “phải” (shall). Có thể suy luận rằng chính Tòa cũng không cho rằng nghĩa vụ không làm phức tạp tranh chấp thực sự tồn tại trong luật pháp quốc tế, hoặc cùng lắm chỉ là một nghĩa vụ ‘mềm’. Trong quy định gần đây, Tòa bắt đầu sử dụng từ ngữ mang tính ràng buộc hơn – “phải” (shall/must).

[\[35\]](#)

Bên cạnh việc yêu cầu các bên phải không có hành vi làm phức tạp hay mở rộng tranh chấp hoặc làm cho tranh chấp trở nên khó giải quyết, Tòa ICJ còn nhắc nhở các bên rằng yêu cầu này có tính chất ràng buộc và là một nghĩa vụ pháp lý quốc tế mà các bên buộc phải thực hiện.

[\[36\]](#)

Hơn nữa, bên vi phạm nghĩa vụ này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý.

[\[37\]](#)

Đây có thể là một dấu hiệu cho thấy Tòa ICJ bắt đầu xem việc không làm phức tạp tranh chấp hay mở rộng tranh chấp hay làm cho tranh chấp trở nên khó giải quyết là một yêu cầu có tính chất nghĩa vụ.

Trong phán quyết của mình, Tòa trình tài trong *vi kiện giữa Philippines và Trung*



Quốc gia cho rằng nghĩa vụ không làm  
phức tạp hay mở rộng tranh chấp là “nguyên tắc của luật pháp quốc tế”

[\[38\]](#)

áp dụng cho tất cả các bên tranh chấp khi tham gia vào một tiến trình giải quyết tranh chấp. Nghĩa vụ này không phụ thuộc vào một quy định đơn giản áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà xuất hiện và tồn tại độc lập ngay khi các quốc gia tham gia vào một tiến trình giải quyết tranh chấp.

[\[39\]](#)

Nói cách khác, ngay khi một quốc gia bắt đầu khi đang một vụ kiện thì tất cả các bên trong vụ kiện sẽ chịu sự điều chỉnh của nghĩa vụ này. Theo nguyên tắc thiển chí, các quốc gia có nghĩa vụ phải tuân thủ các cam kết quốc tế, trong đó có các quy định về giải quyết tranh chấp trong các điều ước quốc tế mà các quốc gia là thành viên.

[\[40\]](#)

Tòa kết luận Trung Quốc đã vi phạm nghĩa vụ không làm phức tạp hay mở rộng tranh chấp khi tiến hành các hoạt động, bao gồm cả hoạt động khai thác và xây dựng đảo nhân tạo trên Biển Đông, kể từ thời điểm Philippines khi kiện.

[\[41\]](#)

Tóm lại, cho đến hiện nay vẫn còn một số điểm chưa rõ ràng về sự tồn tại của nghĩa vụ này trong luật pháp quốc tế. Nghĩa vụ này chỉ giải thích trong việc báo cáo quy định của các bên và việc thực thi có hiệu quả quy định tài phán trong hoạt động xét xử của các tòa án hay trình tài quốc tế. Điều này không có nghĩa là nghĩa vụ này không tồn tại, vì thực sự không thể tìm ra lý do nào mà các tòa án hay trình tài lại phủ nhận nó. Hơn nữa, nguyên tắc thiển chí bắt buộc các bên phải áp dụng nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp theo cách thực hợp lý và hợp tình đến hiện thực hóa mục đích của nguyên tắc này. [\[42\]](#) Nói cách khác, các quốc gia cần thiển chí hợp tác và tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế theo cách thực không làm phức tạp hay mở rộng tranh chấp trong quan hệ quốc tế.

## **Cam kết giải quyết hòa bình v** **Qu**

Với cách là hai quốc gia, Việt Nam và Trung Quốc chịu ràng buộc của nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế theo quy định của Hiến chương Liên hợp quốc và tập quán quốc tế. Không một nước nào được phép sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp, trong đó có tranh chấp trên Biển Đông. Các vùng biển khu vực và song phương giữa hai nước như miền chủ yếu đến biện pháp tham vấn và đàm phán, không nhúc nhích và cũng không loại trừ khả năng sử dụng các biện pháp tài phán.

Nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp ở Biển Đông đã được ghi nhận và nhắc lại nhiều lần trong các văn kiện song phương và khu vực. Năm 2002, ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Tuyên bố về ứng xử của các Bên ở Biển Đông (Tuyên bố DOC). [43] Các bên tái khẳng định cam kết tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và “cam kết giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực, thông qua tham vấn, đàm phán hữu nghị giữa các quốc gia trực tiếp liên quan”. [44] Các bên cũng cam kết “sẵn sàng tiếp xúc các cuộc đối thoại và tham vấn với những vấn đề liên quan, thông qua các kênh thích hợp các bên đồng ý, kể cả các cuộc tham vấn thông thường xuyên theo quy định của Tuyên bố này, vì mục tiêu khuyến khích sự minh bạch và lắng nghe tích cực, thiếp lập sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau một cách hài hòa, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết hòa bình các tranh chấp giữa các bên.”

[45]

Tuyên bố DOC là một văn bản chính trị, không có giá trị ràng buộc, do đó không tạo ra bất kỳ giá trị pháp lý nào.

Năm 2011, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chung để giải quyết vấn đề trên biển giữa hai nước. Thỏa thuận này yêu cầu hai nước trong quá trình đàm phán phải “thực hiện nghiêm túc nguyên tắc và tinh thần” của Tuyên bố DOC. [46] Nếu Thỏa thuận này được xem là một thỏa thuận có tính chất ràng buộc (một điều ước quốc tế) giữa hai nước thì bằng cách dẫn chiếu đến Tuyên bố DOC, hai nước đã trao giá trị ràng buộc cho Tuyên bố DOC.

Trong các tuyên bố chung giữa lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc những năm gần đây, người ta vẫn không làm phớt lờ hay mờ nhạt tranh chấp được nhắc lại nhiều lần.

Tuyên bố chung về chuyển thềm continental shelf giữa Trung Quốc và Việt Nam (ngày 11 – 15/10/2011) ghi nhận: “Trước khi giải quyết dứt điểm tranh chấp trên biển, hai bên cùng gìn giữ hòa bình, ổn định trên Biển Đông, giữ thái độ bình tĩnh và kiềm chế, không áp dụng hành động làm phức tạp hóa hoặc mở rộng thêm tranh chấp, không đưa các chủ đề thù địch phá hoại quan hệ hai bên, hai nước, xử lý các vấn đề nảy sinh với thái độ xây dựng, không đưa những tình huống quan hệ hai bên, hai nước và hòa bình, ổn định ở Biển Đông.” [47]

Tuyên bố chung về chuyển thềm continental shelf giữa Trung Quốc và Việt Nam (ngày 11 – 15/10/2011) ghi nhận: “Trước khi giải quyết dứt điểm tranh chấp trên biển, hai bên cùng gìn giữ hòa bình, ổn định trên Biển Đông, giữ thái độ bình tĩnh và kiềm chế, không áp dụng hành động làm phức tạp hóa hoặc mở rộng thêm tranh chấp, không đưa các chủ đề thù địch phá hoại quan hệ hai bên, hai nước, xử lý các vấn đề nảy sinh với thái độ xây dựng, không đưa những tình huống quan hệ hai bên, hai nước và hòa bình, ổn định ở Biển Đông.” [47]

Quốc (ngày 19 – 21/6/2013) bặt đầu ghi nhận Tuyên bố DOC: “Trước khi tranh chấp trên biên giới giữa quy tắc dặt điếm, hai bên nhứt trí giữa bình tĩnh và kiểm soát, không có hành động làm phức tạp, mở rộng tranh chấp, động thái sđ động tđt đđng dây nóng quốc lý, kiểm soát không hođng trên biên giới Bđ Ngođi giao hai nđđc, xđ lý thđa đđng các vđđn đđ nđy sinh vđi thái đđ xây đđng, không đđ các vđđn đđ này đđnh hđđng đđđn đđi cđđc quan hđ Viđt-Trung cđđng nhđ hòa bình, đđ đđnh tđi Biđn đđng. Hai bên nhứt trí thđc hiđn toàn diđn, có hiđu quđ “Tuyên bố vđ cách đđng xđ cđđa các bên đđ Biđn đđng” (DOC), cùng nhau duy trì hòa bình và đđđnh đđ Biđn đđng.” [\[48\]](#)

Tuyên bố chung giữa Việt Nam và Trung Quốc trong chuyến thăm của Thủ tướng Trung Quốc đđn Việt Nam (ngày 13 – 15/10/2013) ghi nhận : “Hai bên nhứt trí kiểm soát tđt nhđng bđt đđng trên biên, không có hành động làm phức tạp, mở rộng tranh chấp ..., đđng thđi tđđp tđđc tích cđđc trao đđi và tìm kiếm các biên pháp có hiđu quđ đđ kiểm soát tranh chấp, duy trì đđi cđđc quan hđ Viđt - Trung và hòa bình, đđ đđnh trên Biđn đđng ... Hai bên nhứt trí thđc hiđn đđy đđ, hiđu quđ “Tuyên bố vđ cách đđng xđ cđđa các bên đđ Biđn đđng” (DOC), đđng cđđng tin cđđy, thúc đđy hđđp tác, cùng nhau duy trì hòa bình, đđ đđnh đđ Biđn đđng, theo tinh thđn và nguyên tđđc cđđa “Tuyên bố vđ cách đđng xđ cđđa các bên đđ Biđn đđng” (DOC), trên cđ sđ đđng thuđn, nđ lđđc hđđng tđi thông qua “Bđ Quy tđđc đđng xđ đđ Biđn đđng” (COC).” [\[49\]](#)

Tuyên bố chung nhân chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đđn Trung Quốc (ngày 7 – 10/4/2015) nhứt trí “cùng kiểm soát tđt bđt đđng trên biên, thđc hiđn đđy đđ có hiđu quđ Tuyên bố vđ đđng xđ cđđa các bên đđ Biđn đđng (DOC) và sđđm đđđt đđđđc Bđ Quy tđđc đđng xđ đđ Biđn đđng (COC) trên cđ sđ hiđđp thđđđng thđđng nhđt, không có hành động làm phức tạp, mở rộng tranh chấp; xđ lý kđđp thđi, thđa đđng vđđn đđ nđy sinh, duy trì đđi cđđc quan hđ Viđt - Trung và hòa bình, đđ đđnh đđ Biđn đđng.” [\[50\]](#) Trong cùng nđđm, Tuyên bố chung nhân chuyến thăm của Tổng bí thư, Chđ tđđch nđđđc Trung Quốc Tđđđp Cđđđn Biđđnh đđn Việt Nam (ngày 5 – 6/11/2015) nhđđc lđđi nđđi dung trên.

Có thđ thđy, tđ nđđm 2011, các tuyên bố chung đã bđt đđu đđ cđđp đđn viđđc không làm phức tạp, mở rộng tranh chấp trên Biđn đđng giữa hai nđđđc. Tđ nđđm 2013, các tuyên bố bđt đđu nhđđn mđđnh đđđn viđđc nghiêm túc tuân thđ mđđt cách toàn diđn, đđy đđ và hiđu quđ Tuyên bố DOC và hđđng đđđn xây đđng Tuyên bố COC. Mđđc dù các tuyên bố này thđđđng đđđđc xem là có tính chđđt chính trđ, phi pháp lý, nhđđng viđđc các nhà lãnh đđo cao nhđđt cđđa hai nđđđc liên tđđc đđđa ra cam kđđt chung nhđ thđ cho thđy khđ nđđng đã hình thành mđđt thđđa thuđn ràng buđđc giữa hai quđđc gia. Yđđu tđđ quan trđđng nhđđt cđđn đđđđc xem xét là liđđu hai quđđc gia có thđđc sđđ có ý đđđnh tđđo ra mđđt

nghe và ràng buộc hay không. [51] Nếu xác định rõ ràng rằng các quốc gia không có ý định xác lập một cam kết pháp lý thì sự lập đi lập lại các cam kết không thể chuyển hóa thành các cam kết pháp lý. [52]

Trong câu hỏi này đòi hỏi phải xem xét kỹ câu chữ cũng như hoàn cảnh thực tế mà các tuyên bố chung này được đưa ra liên quan trong quá trình đàm phán và ký kết

[53]

; trong đó, quan trọng nhất là các văn bản đàm phán.

Trong các tuyên bố trên, Việt Nam và Trung Quốc đã cam kết sẽ giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp đàm phán trực tiếp giữa hai nước. Thúc đẩy cho thấy đàm phán là biện pháp duy nhất mà hai nước đã sử dụng để giải quyết tất cả các tranh chấp từ trước đến nay, từ vãn Campuchia, bình thường hóa quan hệ, phân định biên giới trên đất liền và ranh giới trên biển trong Vịnh Bắc Bộ và nhiều vãn khác. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là Việt Nam và Trung Quốc bất hợp tác trong việc lựa chọn một biện pháp hòa bình khác. Cam kết đưa ra trong Thỏa thuận năm 2011 và các tuyên bố chung của lãnh đạo hai nước không loại trừ khả năng sử dụng các biện pháp khác, trong đó có biện pháp tài phán. Trong Phán quyết ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Tòa trọng tài trong *vãn kiện giữa Philippines và Trung Quốc*, Tòa đã bác bỏ lập luận cho rằng các vãn kiện song phương với những lời cam kết đồng thời giữa Philippines và Trung Quốc thể hiện một cam kết pháp lý chỉ giải quyết tranh chấp bằng tham vãn và đàm phán.

[54]

Việc hai nước nhận mình đến biện pháp tham vãn và đàm phán không đồng nghĩa với việc loại trừ biện pháp tài phán, trừ khi hai nước có cam kết pháp lý rõ ràng quy định sẽ loại trừ như vậy. Việt Nam cũng khẳng định Việt Nam không loại trừ sử dụng các biện pháp pháp lý để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông.

[55]

Do đó, Thỏa thuận năm 2011 và các tuyên bố chung của lãnh đạo hai nước không thể được giải thích theo hướng hai nước cam kết chỉ giải quyết bằng đàm phán và loại trừ khả năng sử dụng các biện pháp tài phán.

## **Kết luận**

Nguyên tắc hòa bình giữa quy tắc tranh chấp là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bắt buộc các quốc gia phải sử dụng các biện pháp hòa bình và phi vãn để giải quyết các tranh chấp quốc tế. Trong quá trình giải quyết tranh chấp trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, hai nước đều cam kết giải quyết hòa bình các tranh chấp cũng như thể hiện nhất trí với việc không làm phức tạp, mở rộng tranh

chấp. Đó là một nghi vấn quốc tế mà hai nước đã đưa ra để phân tích.

Trần Hữu Duy Minh, Khoa Luật, Học viện Ngoại giao Việt Nam. Bài viết được  
đăng trên [Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế](#)  
, Học viện Ngoại giao, Số 1 (108).

---

[1] Hiến chương ASEAN (2008), điều 2(2)(d); Hiến chương thành lập Liên minh Châu Phi (2000), điều 4(e); Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949), điều 1; Hiệp ước Lisbon (2007); Hiến chương của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (1948), điều 4(b), 5(g).

[2] Về Hoạt động quân sự và bán quân sự của Mỹ chống lại Nicaragua, Phán quyết về Thảm họa, ICJ, 1984, đoạn 73.

[3] Alain Pellet, *Peaceful Settlement of International Disputes*, Max Planck EPIL, 2013, đoạn 5; Martin Dixon, Robert McCorquodale, Sarah Williams, *Cases and Materials on International Law*, OUP, 2011, tr. 626; Waker Poeggel & Adith Oeser, *Methods of Diplomatic Settlement*, chương 24, tr. 512, trong Mohamed Bedjaoui (ed.), *International Law: Achievements and Prospects*, UNESCO, 1991; G. Shinkaretskaia, *Peaceful Settlement of International Disputes: An Alternative to the Use of Force*,

trong W. E. Butler (ed.), *The Non-Use of Force in International Law*, Martinus Nijhoff Publishers, 1989, tr. 44-51.

[4] Hội đồng Liên hợp quốc, Nghị quyết A/RES/25/2625, ngày 24 tháng 10 năm 1970.

[5] Về *Nicaragua và M*, Tòa ICJ, 1986. Ian Brownlie, *Principles of Public International Law*, 5<sup>th</sup> ed., OUP, 1998, tr. 15; Malcolm N. Shaw, *International Law*, 6<sup>th</sup> ed., CUP, 2008, tr. 253; James Crawford, *Brownlie's Principles of Public International Law*, CUP, 2012, tr. 193.

[6] Hội đồng Liên hợp quốc, Nghị quyết A/RES/37/10, ngày 15 tháng 11 năm 1982, Nghị quyết A/RES/57/26, ngày 03 tháng 02 năm 2003.

[7] UNCLOS, Mục 2, Phần XV.

[8] UNCLOS, Điều 279 - 281.

[9] J. G. Merrills, *International Dispute Settlement*, 3<sup>rd</sup> ed., CUP, 1998, tr. 2.

[10] Như trên, tr. 3.

[11] Như trên.

[12] Về *Free Zones of Upper Savoy and the District of Gex*, Quyết định ngày 19 tháng 8 năm 1929, PCIJ, Series A, No. 22, tr. 13.

[13] Về Các hoạt động quân sự và bán quân sự của Mỹ chống lại Nicaragua (Nicaragua v. Mỹ), Phán quyết thực chất, ICJ, 1986, đoạn 185.

[14] Về Aegean Sea Continental Shelf (Hy Lạp v. Thổ Nhĩ Kỳ), Phán quyết, ICJ, 1978, đoạn 29.

[15] Martin Dixon, *Textbook on International Law*, 7<sup>th</sup> ed., OUP, 2013, page 286.

[16] Ian Brownlie, xem chú thích số 5, tr. 703.

[17] Malcolm N. Shaw, xem chú thích số 5, tr. 1012.

[18] James Crawford, xem chú thích số 5, tr. 718.

[19] James Crawford, *Sovereignty as a legal value*, trong James Crawford & Marti Koskenniemi, *Companion to International Law*, Cambridge, CUP, 2012, tr. 118.

[20] Martin Dixon, Robert McCorquodale, Sarah Williams, xem chú thích số 3, tr. 626.

[21] Nghị quyết A/RES/57/26, ngày 03 tháng 02 năm 2003, đoạn 2.

[22] Christine Tomuschat, *Article 2(3)* trong Bruno Simma (eds.), *The Charter of the United Nations: A Commentary*, OUP, 2002, đoạn 14.

[23] Như trên.

[24] Nii Lante Wallace-Bruce, *The Settlement of International Disputes: The Contribution of Australia and New Zealand*, Martinus Nijhoff Publishers, 1998, tr. 31.

[25] Nguyên văn điều 2(3) trong bản gốc tiếng Anh: “All Members shall settle their international disputes by peaceful means in such a manner that international peace, security and justice are not endangered.”

[26] Xem chú thích số 22.

[27] Pháp quyết vụ *Aerial Incident of 10 August 1999* (Pakistan v. Ấn Độ), ICJ (2000), đoạn 53.

[28] Alain Pellet, xem chú thích số 3.

[29] Có hiệu lực từ năm 1929, hiện có 21 quốc gia thành viên.

[30] Có hiệu lực từ năm 1950, hiện có 08 quốc gia thành viên.

[31] Có hiệu lực từ năm 1958, hiện có 14 quốc gia thành viên.

[32] Hiệp ước chung về Hòa bình giải quyết tranh chấp năm 1928, điều 33(3); Hiệp ước mở đường về Giải quyết tranh chấp hòa bình năm 1949, điều 33(3); Công ước châu Âu về Hòa bình giải quyết tranh chấp năm 1957, điều 31(3).



[33] Vñ *Anglo-Iranian Oil Co. case* (Anh v. Iran), Quy tắc đñnh 1951, ICJ, tr. 8.

[34] Vñ *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Quy tắc đñnh ngày 8/5/2011, ICJ, đñnh 62.

[35] *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Quy tắc đñnh ngày 8/5/2011, đñnh 86; Quy tắc đñnh ngày 16/7/2013, đñnh 86; và Quy tắc đñnh ngày 22/11/2013, đñnh 11; Vñ *Armed activities on the territories of Congo* (Congo v. Uganda), Quy tắc đñnh ngày 1/7/2000, ICJ, đñnh 47.

[36] Vñ *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Quy tắc đñnh ngày 8/5/2011, đñnh 84, Quy tắc đñnh ngày 16/7/2013, đñnh 38, và Quy tắc đñnh ngày 22/11/2013, đñnh 57.

[37] *Certain activities carried out by Nicaragua in the Border Area* (Costa Rica v. Nicaragua), Phán quy tắc, ICJ, 2015, đñnh 121 – 129.

[38] *Phán quy tắc trñng tài vñ kiñn giña Philippines và Trung Quñc*, ngày 12 tháng 7 nñm 2016, đñnh 1173.

[39] Nhñ trên, đñnh 1169.

[40] Nhñ trên, đñnh 1171.

[41] Nhñ trên, đñnh 1181.

[42] Vụ *Gabcikovo – Nagymros Project (Hungary/Slovakia)*, Phán quyết, ICJ, năm 1997, đoạn 142.

[43] Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc, 2002.

[44] Như trên, điểm 4.

[45] Như trên, điểm 7.

[46] Thưa thu nhận về những nguyên tắc cơ bản của giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, ký ngày 11/10/2011 tại Bắc Kinh, điểm 3, xem tại <http://www.nhandan.com.vn/>.

[47] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (11–15/10/2011), mục 5, xem tại <http://baochinhphu.vn/Tieu-diem/Viet-Nam-Trung-Quoc-ra-Tuyen-bo-chung/100658.vgp>

[48] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đến Trung Quốc (19–21/6/2013), mục 4, xem tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/viet-nam-trung-quoc-ra-tuyen-bo-chung-2835745.html>

[49] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Thủ tướng Trung Quốc đến Việt Nam (ngày 13 - 15/10/2013), đoạn 5.c và đoạn 8, xem tại <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Tuyen-bo-chung-Viet-Nam-Trung-Quoc/183057.vgp>

[50] Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc (7 – 10/4/2015), mục 5, xem tại <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Toan-van-Thong-cao-chung-Viet-Nam-Trung-Quoc/224488.vgp>

[51] *Vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc*, Phán quyết về thềm quyền và giới hạn thềm lý, Tòa trọng tài theo Phụ lục VII, ngày 29/10/2015, đoạn 241.

[52] Như trên, đoạn 244.

[53] Như trên; *Vụ Aegean Sea (Hy Lạp v. Thổ Nhĩ Kỳ)*, Tòa ICJ, Phán quyết năm 1978, đoạn 96; và *gần đây nhất Vụ phân định biên giới Bangladesh và Myanmar*, Tòa ITLOS, Phán quyết năm 2012, đoạn 72 - 79.

[54] *Vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc*, đoạn 241 – 251.

[55] Trích phát biểu của Ngoại phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Hải Bình ngày 3/7/2014, đăng tại Báo điện tử Đài tiếng nói Việt Nam ngày 6/7/2014 (<http://vov.vn/vov-binh-luan/viet-nam-su-dung-moi-bien-phap-phap-ly-de-bao-ve-chu-quyen-336872.vov>) và Truy cập hình An ninh ngày 4/7/2014 (<http://www.antv.gov.vn/tin-tuc/chinh-tri/viet-nam-se-su-dung-moi-bien-phap-hoa-bi-nh-de-bao-ve-chu-quyen-50257.html>).